

Số: 3464 /QĐ-ĐHNL-TCCB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” và
“Tập thể lao động tiên tiến” năm học 2016-2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 của Quốc hội ban hành ngày 18 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng số 15/2003/QH11 ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng số 47/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số khoản của Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục;

Căn cứ kết quả họp xét Thi đua – Khen thưởng năm học 2016-2017 của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/9/2017;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho 529 công chức, viên chức và “Tập thể lao động tiên tiến” cho 34 đơn vị và 71 bộ môn, bộ phận, tổ công tác (danh sách đính kèm) vì đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm học 2016-2017.

Điều 2. Mỗi cá nhân, tập thể có tên tại Điều 1 được thưởng theo mức thưởng quy định tại Điều 71 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP trích từ quỹ thi đua khen thưởng của Trường.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, trưởng các đơn vị trực thuộc và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: TCCB, HC.



GS.TS. Nguyễn Hay

**DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU LAO ĐỘNG TIỀN TIẾN
NĂM HỌC 2016-2017**

(Kèm theo Quyết định số 3464/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 16 tháng 10 năm 2017)

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1	Nguyễn Hay	Ban Giám Hiệu	
2	Huỳnh Thanh Hùng	Ban Giám Hiệu	
3	Dương Duy Đồng	Ban Giám Hiệu	
4	Phạm Văn Hiền	Ban Giám Hiệu	
5	Trần Văn Thịnh	Khoa Nông học	
6	Lê Trọng Hiếu	Khoa Nông học	
7	Nguyễn Thanh Bình	Khoa Nông học	
8	Phạm Thị Thùy Dương	Khoa Nông học	
9	Phạm Thị Minh Tâm	Khoa Nông học	
10	Phạm Hữu Nguyên	Khoa Nông học	
11	Thái Nguyễn Diễm Hương	Khoa Nông học	
12	Nguyễn Văn Phú	Khoa Nông học	
13	Nguyễn Phạm Hồng Lan	Khoa Nông học	
14	Nguyễn Phương	Khoa Nông học	
15	Hồ Tấn Quốc	Khoa Nông học	
16	Nguyễn Châu Niên	Khoa Nông học	
17	Nguyễn Tuyết Nhung Tường	Khoa Nông học	
18	Nguyễn Duy Năng	Khoa Nông học	
19	Trần Hoài Thanh	Khoa Nông học	
20	Phạm Thị Ngọc	Khoa Nông học	
21	Phan Hải Văn	Khoa Nông học	
22	Trần Trung Dũng	Khoa Nông học	
23	Võ Thị Thu Oanh	Khoa Nông học	
24	Lê Khắc Hoàng	Khoa Nông học	
25	Lê Cao Lượng	Khoa Nông học	
26	Nguyễn Tuấn Đạt	Khoa Nông học	
27	Nguyễn Thị Phụng Kiều	Khoa Nông học	
28	Trần Thị Ngọc Bích	Khoa Nông học	
29	Võ Thái Dân	Khoa Nông học	
30	Trần Văn Lọt	Khoa Nông học	

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
31	Nguyễn Đức Xuân Chương	Khoa Nông học	
32	Nguyễn Thị Thúy Liễu	Khoa Nông học	
33	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Nông học	
34	Trần Văn Bình	Khoa Nông học	
35	Võ Thị Trà An	Khoa Chăn nuôi Thú y	
36	Trần Thị Quỳnh Lan	Khoa Chăn nuôi Thú y	
37	Hồ Thị Nga	Khoa Chăn nuôi Thú y	
38	Nguyễn Kiên Cường	Khoa Chăn nuôi Thú y	
39	Đặng Thị Xuân Thiệp	Khoa Chăn nuôi Thú y	
40	Nguyễn Văn Nhã	Khoa Chăn nuôi Thú y	
41	Lê Thụy Bình Phương	Khoa Chăn nuôi Thú y	
42	Đường Chi Mai	Khoa Chăn nuôi Thú y	
43	Trần Thanh Tiến	Khoa Chăn nuôi Thú y	
44	Nguyễn Vạn Tín	Khoa Chăn nuôi Thú y	
45	Ngô Bá Duy	Khoa Chăn nuôi Thú y	
46	Lê Nguyễn Phương Khanh	Khoa Chăn nuôi Thú y	
47	Bùi Thị Trà Mi	Khoa Chăn nuôi Thú y	
48	Cao Phước Uyên Trân	Khoa Chăn nuôi Thú y	
49	Đoàn Trần Vĩnh Khánh	Khoa Chăn nuôi Thú y	
50	Võ Tấn Đại	Khoa Chăn nuôi Thú y	
51	Phan Quang Bá	Khoa Chăn nuôi Thú y	
52	Nguyễn Tất Toàn	Khoa Chăn nuôi Thú y	
53	Lê Quang Thông	Khoa Chăn nuôi Thú y	
54	Vũ Ngọc Yến	Khoa Chăn nuôi Thú y	
55	Nguyễn Thị Thương	Khoa Chăn nuôi Thú y	
56	Chế Minh Tùng	Khoa Chăn nuôi Thú y	
57	Bùi Thị Kim Phụng	Khoa Chăn nuôi Thú y	
58	Nguyễn Văn Chánh	Khoa Chăn nuôi Thú y	
59	Nguyễn Thị Mỹ Nhân	Khoa Chăn nuôi Thú y	
60	Nguyễn Thanh Hải	Khoa Chăn nuôi Thú y	
61	Nguyễn Quang Thiệu	Khoa Chăn nuôi Thú y	
62	Nguyễn Văn Hiệp	Khoa Chăn nuôi Thú y	
63	Ngô Hồng Phượng	Khoa Chăn nuôi Thú y	
64	Nguyễn Hiếu Phương	Khoa Chăn nuôi Thú y	
65	Lê Thanh Hiền	Khoa Chăn nuôi Thú y	
66	Hồ Thị Kim Hoa	Khoa Chăn nuôi Thú y	
67	Đỗ Tiến Duy	Khoa Chăn nuôi Thú y	

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
68	Lê Thị Hà	Khoa Chăn nuôi Thú y	
69	Nguyễn Thị Thu Năm	Khoa Chăn nuôi Thú y	
70	Nguyễn Ngọc Hải	Khoa Chăn nuôi Thú y	
71	Lê Hữu Ngọc	Khoa Chăn nuôi Thú y	
72	Trương Đình Bảo	Khoa Chăn nuôi Thú y	
73	Nguyễn Ngọc Thanh Xuân	Khoa Chăn nuôi Thú y	
74	Phạm Ngọc Nam	Khoa Lâm nghiệp	
75	Đặng Minh Hải	Khoa Lâm nghiệp	
76	Hoàng Thị Thanh Hương	Khoa Lâm nghiệp	
77	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Khoa Lâm nghiệp	
78	Tăng Thị Kim Hồng	Khoa Lâm nghiệp	
79	Bùi Thị Thiên Kim	Khoa Lâm nghiệp	
80	Nguyễn Minh Cảnh	Khoa Lâm nghiệp	
81	Viên Ngọc Nam	Khoa Lâm nghiệp	
82	Mạc Văn Chăm	Khoa Lâm nghiệp	
83	Nguyễn Thị Kiều Nương	Khoa Lâm nghiệp	
84	Bùi Việt Hải	Khoa Lâm nghiệp	
85	La Vĩnh Hải Hà	Khoa Lâm nghiệp	
86	Nguyễn Quốc Bình	Khoa Lâm nghiệp	
87	Đặng Hải Phương	Khoa Lâm nghiệp	
88	Nguyễn Duy Linh	Khoa Lâm nghiệp	
89	Phạm Thanh Hải	Khoa Lâm nghiệp	
90	Nguyễn Văn Thêm	Khoa Lâm nghiệp	
91	Trần Thế Phong	Khoa Lâm nghiệp	
92	Nguyễn Văn Ngãi	Khoa Kinh tế	
93	Trần Đức Luân	Khoa Kinh tế	
94	Trần Thanh Giang	Khoa Kinh tế	
95	Nguyễn Duyên Linh	Khoa Kinh tế	
96	Đỗ Minh Hoàng	Khoa Kinh tế	
97	Tiêu Nguyên Thảo	Khoa Kinh tế	
98	Đặng Lê Hoa	Khoa Kinh tế	
99	Phạm Thị Nhiên	Khoa Kinh tế	
100	Trần Minh Trí	Khoa Kinh tế	
101	Phạm Thị Thuyền	Khoa Kinh tế	
102	Nguyễn Minh Tôn	Khoa Kinh tế	
103	Phạm Thị Hồng Nhung	Khoa Kinh tế	
104	Hồ Thanh Tâm	Khoa Kinh tế	

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
105	Đặng Thanh Hà	Khoa Kinh tế	
106	Mai Đình Quý	Khoa Kinh tế	
107	Phạm Thị Ánh Ngọc	Khoa Kinh tế	
108	Trần Độc Lập	Khoa Kinh tế	
109	Nguyễn Bạch Đằng	Khoa Kinh tế	
110	Trần Hoài Nam	Khoa Kinh tế	
111	Nguyễn Văn Cường	Khoa Kinh tế	
112	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Kinh tế	
113	Lê Vũ	Khoa Kinh tế	
114	Lê Thành Hưng	Khoa Kinh tế	
115	Trần Minh Huy	Khoa Kinh tế	
116	Nguyễn T Bình Minh	Khoa Kinh tế	
117	Hoàng Thế Vinh	Khoa Kinh tế	
118	Lê Na	Khoa Kinh tế	
119	Bùi Thị Kim Hoàng	Khoa Kinh tế	
120	Nguyễn Thị Nhật Linh	Khoa Kinh tế	
121	Đặng Đức Huy	Khoa Kinh tế	
122	Bùi Công Luận	Khoa Kinh tế	
123	Nguyễn Ý Nguyên Hân	Khoa Kinh tế	
124	Đàm Thị Hải Âu	Khoa Kinh tế	
125	Phạm Thu Phương	Khoa Kinh tế	
126	Khúc Đình Nam	Khoa Kinh tế	
127	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Khoa Kinh tế	
128	Trần Khánh Linh	Khoa Kinh tế	
129	Bùi Thị Mai	Khoa Kinh tế	
130	Trần Thị Minh Nương	Khoa Kinh tế	
131	Đoàn Văn Vương	Khoa Kinh tế	
132	Nguyễn Thùy Dung	Khoa Kinh tế	
133	Nguyễn Huy Bích	Khoa Cơ khí Công nghệ	
134	Trần Thị Kim Ngà	Khoa Cơ khí Công nghệ	
135	Đào Duy Vinh	Khoa Cơ khí Công nghệ	
136	Nguyễn Đăng Khoa	Khoa Cơ khí Công nghệ	
137	Nguyễn Thanh Hào	Khoa Cơ khí Công nghệ	
138	Nguyễn Thanh Dũng	Khoa Cơ khí Công nghệ	
139	Đặng Hữu Dũng	Khoa Cơ khí Công nghệ	
140	Kiều Văn Đức	Khoa Cơ khí Công nghệ	
141	Trần Văn Hoàng	Khoa Cơ khí Công nghệ	

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
142	Nguyễn Đức Khuyển	Khoa Cơ khí Công nghệ	
143	Phạm Duy Lam	Khoa Cơ khí Công nghệ	
144	Vương Thành Tiên	Khoa Cơ khí Công nghệ	
145	Trương Quang Trường	Khoa Cơ khí Công nghệ	
146	Nguyễn Văn Công Chính	Khoa Cơ khí Công nghệ	
147	Nguyễn Thanh Phong	Khoa Cơ khí Công nghệ	
148	Nguyễn Hải Đăng	Khoa Cơ khí Công nghệ	
149	Lê Văn Tuấn	Khoa Cơ khí Công nghệ	
150	Nguyễn Trịnh Nguyên	Khoa Cơ khí Công nghệ	
151	Phan Minh Hiếu	Khoa Cơ khí Công nghệ	
152	Lê Quang Trí	Khoa Cơ khí Công nghệ	
153	Nguyễn Văn Tuấn Anh	Khoa Cơ khí Công nghệ	
154	Lê Văn Bạ	Khoa Cơ khí Công nghệ	
155	Nguyễn Võ Ngọc Thạch	Khoa Cơ khí Công nghệ	
156	Lê Quang Hiền	Khoa Cơ khí Công nghệ	
157	Cao Đức Lợi	Khoa Cơ khí Công nghệ	
158	Phạm Quang Thắng	Khoa Cơ khí Công nghệ	
159	Nguyễn Văn Kiệp	Khoa Cơ khí Công nghệ	
160	Lê Đình Quang	Khoa Cơ khí Công nghệ	
161	Nguyễn Thị Hồng Điệp	Khoa Cơ khí Công nghệ	
162	Nguyễn Văn Trai	Khoa Thủy sản	
163	Vũ Cẩm Lương	Khoa Thủy sản	
164	Võ Thanh Liêm	Khoa Thủy sản	
165	Nguyễn Hoàng Nam Kha	Khoa Thủy sản	
166	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Thủy sản	
167	Lê Thị Ngọc Hân	Khoa Thủy sản	
168	Võ Thị Thanh Bình	Khoa Thủy sản	
169	Nguyễn Phúc Cẩm Tú	Khoa Thủy sản	
170	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Khoa Thủy sản	
171	Nguyễn Thị Bạch Mai	Khoa Thủy sản	
172	Đặng Thị Thanh Hòa	Khoa Thủy sản	
173	Trần Hồng Thủy	Khoa Thủy sản	
174	Nguyễn Như Trí	Khoa Thủy sản	
175	Đinh Thế Nhân	Khoa Thủy sản	
176	Ngô Đăng Lâm	Khoa Thủy sản	
177	Nguyễn Thanh Tâm	Khoa Thủy sản	
178	Văn Hữu Nhật	Khoa Thủy sản	

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
179	Lê Thanh Hùng	Khoa Thủy sản	
180	Nguyễn Hữu Thịnh	Khoa Thủy sản	
181	Trần Hữu Lộc	Khoa Thủy sản	
182	Trần Ngọc Thiên Kim	Khoa Thủy sản	
183	Truyện Nhã Định Huệ	Khoa Thủy sản	
184	Võ Văn Tuấn	Khoa Thủy sản	
185	Hồ Thị Trường Thy	Khoa Thủy sản	
186	Vũ Thị Lâm An	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
187	Nguyễn Minh Hiền	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
188	Trương Thục Tuyền	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
189	Nguyễn Anh Trinh	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
190	Kha Chấn Tuyền	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
191	Nguyễn Thị Phước Thủy	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
192	Nguyễn Hữu Cường	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
193	Bùi Thị Bảo Châu	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
194	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
195	Phan Tại Huân	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
196	Nguyễn Minh Xuân Hồng	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
197	Phan Thị Kim Khánh	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
198	Ngô Thị Ty Na	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
199	Lê Thị Thủy	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
200	Nguyễn Thị Phượng	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
201	Huỳnh Tiến Đạt	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
202	Dương Thị Ngọc Diệp	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
203	Lê Thị Thanh	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
204	Phan Thị Lan Khanh	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
205	Lê Trung Thiên	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
206	Lương Hồng Quang	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
207	Nguyễn Trung Hậu	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
208	Nguyễn Hữu Thiện	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
209	Trịnh Ngọc Thảo Ngân	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
210	Dương Thị Ngọc Dân	Khoa Công nghệ Thực phẩm	
211	Nguyễn Thị Mai	Khoa Khoa học	
212	Đoàn Thị Phương Thủy	Khoa Khoa học	
213	Trần Thị Thanh Hương	Khoa Khoa học	
214	Nguyễn Hữu Trí	Khoa Khoa học	
215	Nguyễn Thị Thu Sương	Khoa Khoa học	

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
216	Trần Thị Ngọc Ánh	Khoa Khoa học	
217	Lê Nguyễn Mai Anh	Khoa Khoa học	
218	Thái Văn Ton	Khoa Khoa học	
219	Lưu Thị Thúy Hòa	Khoa Khoa học	
220	Bùi Thị Thu Tiên	Khoa Khoa học	
221	Bùi Đại Nghĩa	Khoa Khoa học	
222	Trần Bảo Ngọc	Khoa Khoa học	
223	Hồ Ngọc Kỳ	Khoa Khoa học	
224	Bùi Trang Phương Nam	Khoa Khoa học	
225	Lê Nguyễn Kim Hằng	Khoa Khoa học	
226	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Khoa Khoa học	
227	Phạm Thị Bích Vân	Khoa Khoa học	
228	Nguyễn Văn Hiền	Khoa Khoa học	
229	Đinh Thanh Tùng	Khoa Khoa học	
230	Phạm Thị Thanh Nhân	Khoa Khoa học	
231	Huỳnh Trung Chánh	Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm	
232	Bùi Thị Thục Quyên	Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm	
233	Dương Mỹ Thắm	Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm	
234	Lê Thị Ngân Vang	Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm	
235	Phạm Quỳnh Trang	Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm	
236	Hồ Văn Công Nhân	Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm	
237	Võ Văn Việt	Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm	
238	Lê Thị Tiểu Phụng	Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm	
239	Bùi Cách Tuyến	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
240	Lê Quốc Tuấn	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
241	Ngô Vy Thảo	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
242	Nguyễn Thị Hà Vy	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
243	Nguyễn Thị Minh Thư	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
244	Nguyễn Nhật Huỳnh Mai	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
245	Hồ Thanh Bá	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
246	Vũ Văn Quang	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
247	Huỳnh Tấn Nhựt	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
248	Hoàng Thị Mỹ Hương	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
249	Nguyễn Vinh Quy	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
250	Bùi Thị Cẩm Nhi	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
251	Nguyễn Kim Huệ	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
252	Hoàng Bảo Phú	Khoa Môi trường & Tài nguyên	

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
253	Lê Thị Thủy	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
254	Phạm Minh Thịnh	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
255	Tôn Nữ Gia Ái	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
256	Trương Thị Cẩm Nhung	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
257	Vương Thị Thủy	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
258	Dương Thị Mỹ Tiên	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
259	Nguyễn Thiện Thanh	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
260	Ngô Thị Minh Thê	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
261	Nguyễn Kim Lợi	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
262	Nguyễn Duy Liêm	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
263	Lê Trương Ngọc Hân	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
264	Nguyễn Thị Huyền	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
265	Đỗ Xuân Hồng	Khoa Môi trường & Tài nguyên	
266	Phan Đình Long	Khoa Công nghệ Thông tin	
267	Bùi Văn Hải	Khoa Quản lý Đất đai & BĐS	
268	Trần Duy Hùng	Khoa Quản lý Đất đai & BĐS	
269	Nguyễn Du	Khoa Quản lý Đất đai & BĐS	
270	Nguyễn Trung Quyết	Khoa Quản lý Đất đai & BĐS	
271	Nguyễn Ngọc Hạnh	Khoa Quản lý Đất đai & BĐS	
272	Nguyễn Văn Tân	Khoa Quản lý Đất đai & BĐS	
273	Lê Ngọc Lãm	Khoa Quản lý Đất đai & BĐS	
274	Nguyễn Ngọc Thy	Khoa Quản lý Đất đai & BĐS	
275	Phạm Hồng Sơn	Khoa Quản lý Đất đai & BĐS	
276	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Khoa Quản lý Đất đai & BĐS	
277	Đinh Quang Vinh	Khoa Quản lý Đất đai & BĐS	
278	Trương Đỗ Thùy Linh	Khoa Quản lý Đất đai & BĐS	
279	Trần Thị Việt Hoà	Khoa Quản lý Đất đai & BĐS	
280	Trần Thị Thanh Huyền	Khoa Quản lý Đất đai & BĐS	
281	Tạ Thị Hiệp	Khoa Quản lý Đất đai & BĐS	
282	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Khoa Quản lý Đất đai & BĐS	
283	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Khoa Quản lý Đất đai & BĐS	
284	Võ Thị Hồng	BM. Lý luận Chính trị	
285	Lê Thị Kim Chi	BM. Lý luận Chính trị	
286	Nguyễn Văn Trọn	BM. Lý luận Chính trị	
287	Nguyễn Thanh Long	BM. Lý luận Chính trị	
288	Đặng Trần Thùy Trâm	BM. Lý luận Chính trị	
289	Trần Thị Lệ Minh	BM. Công nghệ Sinh học	

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
290	Nguyễn Ngọc Tấn	BM. Công nghệ Sinh học	
291	Đinh Xuân Phát	BM. Công nghệ Sinh học	
292	Nguyễn Tấn Chung	BM. Công nghệ Sinh học	
293	Nguyễn Vũ Phong	BM. Công nghệ Sinh học	
294	Nguyễn Phan Thành	BM. Công nghệ Sinh học	
295	Tôn Trang Ánh	BM. Công nghệ Sinh học	
296	Tôn Bảo Linh	BM. Công nghệ Sinh học	
297	Tô Thị Nhã Trâm	BM. Công nghệ Sinh học	
298	Lê Hồng Thủy Tiên	BM. Công nghệ Sinh học	
299	Lê Thị Mai Hương	BM. Công nghệ Sinh học	
300	Nguyễn Thị Kim Linh	BM. Công nghệ Sinh học	
301	Trương Vĩnh	BM. Công nghệ Hóa học	
302	Diệp Thanh Tùng	BM. Công nghệ Hóa học	
303	Vũ Thùy Anh	BM. Công nghệ Hóa học	
304	Mai Huỳnh Cang	BM. Công nghệ Hóa học	
305	Bùi Hữu Tài	BM. Công nghệ Hóa học	
306	Trương Thảo Vy	BM. Công nghệ Hóa học	
307	Đinh Thị Minh Hiếu	BM. Công nghệ Hóa học	
308	Vũ Ngọc Hà Vi	BM. Công nghệ Hóa học	
309	Đào Ngọc Duy	BM. Công nghệ Hóa học	
310	Nguyễn Thị Ngọc Lan	BM. Công nghệ Hóa học	
311	Nguyễn Bảo Việt	BM. Công nghệ Hóa học	
312	Lê Hồng Phượng	BM. Công nghệ Hóa học	
313	Lê Đình Đôn	Viện NCCNSH & MT	
314	Nguyễn Ngọc Hà	Viện NCCNSH & MT	
315	Trương Phước Thiên Hoàng	Viện NCCNSH & MT	
316	Nguyễn Minh Quang	Viện NCCNSH & MT	
317	Phan Hữu Tín	Viện NCCNSH & MT	
318	Trần Thị Quỳnh Diệp	Viện NCCNSH & MT	
319	Phạm Đức Toàn	Viện NCCNSH & MT	
320	Phan Đăng Thái Phương	Viện NCCNSH & MT	
321	Võ Thị Thúy Huệ	Viện NCCNSH & MT	
322	Bùi Minh Trí	Viện NCCNSH & MT	
323	Trần Thị Thu Hà	Viện NCCNSH & MT	
324	Phùng Võ Cẩm Hồng	Viện NCCNSH & MT	
325	Huỳnh Văn Biệt	Viện NCCNSH & MT	
326	Nguyễn Lê Trúc Phương	Viện NCCNSH & MT	

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
327	Huỳnh Vĩnh Khang	Viện NCCNSH & MT	
328	Cao Thị Thanh Loan	Viện NCCNSH & MT	
329	Lê Thị Diệu Trang	Viện NCCNSH & MT	
330	Lê Minh Hoàng	Viện NCCNSH & MT	
331	Lê Văn Huy	Viện NCCNSH & MT	
332	Trần Thị Vân	TT CN&QLMT&TN	
333	Ngô Minh Thụy	TT. NC & UDCN Địa chính	
334	Võ Thành Hưng	TT. NC & UDCN Địa chính	
335	Nguyễn T Minh Hiến	TT. Tin học ứng dụng	
336	Phạm Văn Xinh	TT. Tin học ứng dụng	
337	Trần T Thuý Mai	TT. Tin học ứng dụng	
338	Nguyễn Văn Kính	TT. Tin học ứng dụng	
339	Hoàng Văn Hoà	TT NCCBLS G & BG	
340	Nguyễn Văn Tiến	TT NCCBLS G & BG	
341	Bùi Xuân Vinh	TT NCCBLS G & BG	
342	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TT NCCBLS G & BG	
343	Trần Thị Kim Chi	TT NCCBLS G & BG	
344	Nguyễn Thanh Nghị	TT Năng lượng & MNN	
345	Trần Văn Tuấn	TT Năng lượng & MNN	
346	Lê Quang Vinh	TT Năng lượng & MNN	
347	Bùi Công Hanh	TT Năng lượng & MNN	
348	Dương Nguyên Khang	TT. NCCGKHCHN	
349	Nguyễn Hữu Hòa	TT CN&TBNL	
350	Nguyễn Nam Quyền	TT CN&TBNL	
351	Bùi Minh Tự	TT CN&TBNL	
352	Nguyễn Thành Trung	TT CN&TBNL	
353	Lê Công Trứ	TT Đào tạo Quốc tế	
354	Lưu Đình Phúc	TT Đào tạo Quốc tế	
355	Lê Thị Xuân Hoàng	TT Đào tạo Quốc tế	
356	Nguyễn Thị Trà My	TT Đào tạo Quốc tế	
357	Võ Ngọc Quỳnh Trâm	TT NC Biến đổi Khí hậu	
358	Trần Đình Lý	Phòng Đào tạo	
359	Phạm Gia Điệp	Phòng Đào tạo	
360	Bùi Hữu Chất	Phòng Đào tạo	
361	Trần Quốc Việt	Phòng Đào tạo	
362	Nguyễn Văn Cường	Phòng Đào tạo	
363	Nguyễn Minh Xuân Hương	Phòng Đào tạo	

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
364	Nguyễn Lê Trúc Linh	Phòng Đào tạo	
365	Lê Minh Quang	Phòng Đào tạo	
366	Huỳnh Thị Thanh Trúc	Phòng Đào tạo	
367	Khương Lâm Minh Tuấn	Phòng Đào tạo	
368	Nguyễn Thị Hoàng Tú	Phòng Đào tạo	
369	Bùi Ngọc Hùng	Phòng Đào tạo Sau Đại học	
370	Lê Anh Đức	Phòng Đào tạo Sau Đại học	
371	Phan Thị Kim Phụng	Phòng Đào tạo Sau Đại học	
372	Bùi Thị Cẩm Phương	Phòng Đào tạo Sau Đại học	
373	Đặng Thế Chiêu	Phòng Đào tạo Sau Đại học	
374	Lưu Thanh Quang	Phòng Đào tạo Sau Đại học	
375	Trần Thị Diễm Tuyền	Phòng Đào tạo Sau Đại học	
376	Đặng Thị Thu Trang	Phòng Đào tạo Sau Đại học	
377	Nguyễn Phú Hòa	Phòng QUẢN LÝ NCKH	
378	Nguyễn Tri Quang Hưng	Phòng QUẢN LÝ NCKH	
379	Tô Tấn Long	Phòng QUẢN LÝ NCKH	
380	Hoàng Thị Hương Giang	Phòng QUẢN LÝ NCKH	
381	Lê Thị Thanh Tâm	Phòng QUẢN LÝ NCKH	
382	Đinh Thị Mỹ Loan	Phòng QUẢN LÝ NCKH	
383	Huỳnh Hữu Nhân	Phòng QUẢN LÝ NCKH	
384	Nguyễn Thanh Ngân	Phòng QUẢN LÝ NCKH	
385	Lê Hữu Khương	Phòng Tổ chức Cán bộ	
386	Thân Minh Tân	Phòng Tổ chức Cán bộ	
387	Nguyễn Văn Năm	Phòng Tổ chức Cán bộ	
388	Huỳnh Nguyệt Anh	Phòng Tổ chức Cán bộ	
389	Trần Thị Trường Giang	Phòng Tổ chức Cán bộ	
390	Lê Vũ Thụy Lam	Phòng Tổ chức Cán bộ	
391	Lê Hoài Ninh	Phòng Tổ chức Cán bộ	
392	Nguyễn Thị Thúy An	Phòng Tổ chức Cán bộ	
393	Nguyễn Trọng Thề	Phòng Hành chính	
394	Lâm Bích Châu	Phòng Hành chính	
395	Phạm Ngọc Dung	Phòng Hành chính	
396	Lê Hoàng Thanh Đoan	Phòng Hành chính	
397	Trương Thị Mỹ Vân	Phòng Hành chính	
398	Trà Thị Thu Loan	Phòng Hành chính	
399	Nguyễn Ngọc Mai	Phòng Hành chính	
400	Trần Ngọc Nga	Phòng Hành chính	

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
401	Đặng Thị Diễm	Phòng Hành chính	
402	Nguyễn Thị Ngọc Sen	Phòng Hành chính	
403	Phạm Ngọc Hồng	Phòng Hành chính	
404	Lê Việt Thanh	Phòng Hành chính	
405	Lâm Đại	Phòng Hành chính	
406	Bùi Xuân Nhã	Phòng Kế hoạch - Tài chính	
407	Lê Phương Lan	Phòng Kế hoạch - Tài chính	
408	Phạm Thị Phương Quý	Phòng Kế hoạch - Tài chính	
409	Việc Thị Mỹ Phượng	Phòng Kế hoạch - Tài chính	
410	Trà Thị Thùy Vân	Phòng Kế hoạch - Tài chính	
411	Nguyễn Văn Minh	Phòng Kế hoạch - Tài chính	
412	Lương Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch - Tài chính	
413	Tào Thanh Hương	Phòng Kế hoạch - Tài chính	
414	Dương Hữu Hoàng	Phòng Kế hoạch - Tài chính	
415	Trần Phan Phương Thảo	Phòng Kế hoạch - Tài chính	
416	Phan Thị Hiền	Phòng Kế hoạch - Tài chính	
417	Đặng Kiên Cường	Phòng Công tác Sinh viên	
418	Hoàng Thị Lan	Phòng Công tác Sinh viên	
419	Trương Tuệ Minh	Phòng Công tác Sinh viên	
420	Trần Thị Lệ Hằng	Phòng Công tác Sinh viên	
421	Thân Đỗ Diệu Hương	Phòng Công tác Sinh viên	
422	Nguyễn Đại Thạch	Phòng Công tác Sinh viên	
423	Nguyễn Xuân Hòa	Phòng Công tác Sinh viên	
424	Lê Mộng Triết	Phòng Thanh tra GD	
425	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Thanh tra GD	
426	Nguyễn Ngọc Thùy	Phòng Hợp tác Quốc tế	
427	Trịnh Thị Tiệp	Phòng Hợp tác Quốc tế	
428	Phạm Thị Nguyệt Khánh	Phòng Hợp tác Quốc tế	
429	Lê Quang Giảng	Phòng Quản trị Vật tư	
430	Nguyễn Văn Lành	Phòng Quản trị Vật tư	
431	Đỗ Ngọc Nhuận	Phòng Quản trị Vật tư	
432	Đặng Vinh Quang	Phòng Quản trị Vật tư	
433	Đặng Thị Như Ngọc	Phòng Quản trị Vật tư	
434	Lê Vĩnh Linh	Phòng Quản trị Vật tư	
435	Nguyễn Văn Điền	Phòng Quản trị Vật tư	
436	Nguyễn Quốc Cường	Phòng Quản trị Vật tư	
437	Bùi Quang Luận	Phòng Quản trị Vật tư	

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
438	Sophia Binty Carim	Phòng Quản trị Vật tư	
439	Nguyễn Hoàng	Phòng Quản trị Vật tư	
440	Phan Thành Vũ	Phòng Quản trị Vật tư	
441	Trần Ngọc Hương	Phòng Quản trị Vật tư	
442	Nguyễn Văn Phát	Phòng Quản trị Vật tư	
443	Nguyễn Văn Hoà	Phòng Quản trị Vật tư	
444	Nguyễn Văn Hồng	Phòng Quản trị Vật tư	
445	Nguyễn Văn Minh	Phòng Quản trị Vật tư	
446	Trần Hồng Thái	Phòng Quản trị Vật tư	
447	Nguyễn Giai	Phòng Quản trị Vật tư	
448	Đặng Trung Thu	Phòng Quản trị Vật tư	
449	Nguyễn Ngọc Huân	Phòng Quản trị Vật tư	
450	Lưu Quang Khuê	Phòng Quản trị Vật tư	
451	Nguyễn Hữu Thọ	Phòng Quản trị Vật tư	
452	Huỳnh Thị Mai	Phòng Quản trị Vật tư	
453	Nguyễn Thị Hoàn	Phòng Quản trị Vật tư	
454	Nguyễn Thị Thành	Phòng Quản trị Vật tư	
455	Kim Thị Hà	Phòng Quản trị Vật tư	
456	Trần Thị La	Phòng Quản trị Vật tư	
457	Lê Thanh Sơn	Phòng Quản trị Vật tư	
458	Nguyễn Thành Khả	Phòng Quản trị Vật tư	
459	Mai Anh Thơ	TT. Khảo thí & ĐBCL	
460	Võ Ngân Thơ	TT. Khảo thí & ĐBCL	
461	Võ Minh Mẫn	TT. Khảo thí & ĐBCL	
462	Trần Thị Hoàng Yến	TT. Khảo thí & ĐBCL	
463	Trần Hữu Minh	TT HTSV & QHDN	
464	Phan Xuân Phước	TT HTSV & QHDN	
465	Trịnh Thanh Toàn	TT HTSV & QHDN	
466	Nguyễn Ngọc Tân	TT HTSV & QHDN	
467	Nguyễn Thị Hà Thu	TT HTSV & QHDN	
468	Lê Thị Tuyết Mai	TT HTSV & QHDN	
469	Nguyễn Bảo Quốc	Thư viện	
470	Đỗ Thị Lợi	Thư viện	
471	Lê Thị Thanh Nữ	Thư viện	
472	Nguyễn Thị Nhã Trúc	Thư viện	
473	Võ Xuân Cường	Thư viện	
474	Nguyễn Thị Hạnh	Thư viện	

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
475	Đinh Trúc Vy	Thư viện	
476	Nguyễn Thị Kim Chung	Thư viện	
477	Phạm Ngọc Sáng	Thư viện	
478	Trần Thị Thu	Thư viện	
479	Hoàng Thị Dung	Thư viện	
480	Trần Đình Mạnh	Thư viện	
481	Trần Đình Nam	Thư viện	
482	Lê Thị Hồng Nga	Thư viện	
483	Nguyễn Thị Kim Thoa	Thư viện	
484	Trần Kim Khánh	VP Đảng ủy	
485	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	VP Công đoàn	
486	Phùng Thanh Danh	VP Đoàn TN	
487	Cao Thái Bảo	VP Đoàn TN	
488	Đặng Minh Phương	Phân hiệu Ninh Thuận	
489	Phan Thanh Huy	Phân hiệu Ninh Thuận	
490	Nguyễn Thị Trang	Phân hiệu Ninh Thuận	
491	Nguyễn Thị Hà Giang	Phân hiệu Ninh Thuận	
492	Nguyễn Văn Minh Hùng	Phân hiệu Ninh Thuận	
493	Văn Thị Hương Nguyên	Phân hiệu Ninh Thuận	
494	Phan Thành Vũ	Phân hiệu Ninh Thuận	
495	Trần Cao Bảo	Phân hiệu Gia Lai	
496	Nguyễn Hùng Mạnh	Phân hiệu Gia Lai	
497	Nguyễn Thị Thái Hà	Phân hiệu Gia Lai	
498	Huỳnh Ngọc Anh	Phân hiệu Gia Lai	
499	Lê Thị Bách Thảo	Phân hiệu Gia Lai	
500	Lê Minh Sơn	Phân hiệu Gia Lai	
501	Lê Phú Quỳnh Như	Phân hiệu Gia Lai	
502	Nguyễn Thị Bích Liên	Phân hiệu Gia Lai	
503	Lê Thị Huệ Trang	Phân hiệu Gia Lai	
504	Nguyễn Thành Dương	Phân hiệu Gia Lai	
505	Nguyễn Quốc Bảo Dương	Phân hiệu Gia Lai	
506	Phạm Ngọc Thạch	Phân hiệu Gia Lai	
507	Đỗ Thị Hằng	Phân hiệu Gia Lai	
508	Võ Thị Lê Na	Phân hiệu Gia Lai	
509	Nguyễn Ngọc Sinh	Phân hiệu Gia Lai	
510	Trần Thị Thuý An	Phân hiệu Gia Lai	
511	Nguyễn Thị Lan Thương	Phân hiệu Gia Lai	

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
512	Dương Công Vinh	Phân hiệu Gia Lai	
513	Trần Thị Thảo Trang	Phân hiệu Gia Lai	
514	Phạm Thị Minh Thu	Phân hiệu Gia Lai	
515	Nguyễn Hoàng Diệu Minh	Phân hiệu Gia Lai	
516	Võ Thị Minh Hoà	Phân hiệu Gia Lai	
517	Lê Thị Hồng Phượng	Phân hiệu Gia Lai	
518	Nguyễn Minh Kỳ	Phân hiệu Gia Lai	
519	Nguyễn Thị Thu	Phân hiệu Gia Lai	
520	Phạm Thị Tùng	Phân hiệu Gia Lai	
521	Nguyễn Thị Ngọc Sang	Phân hiệu Gia Lai	
522	Đinh Thị Thủy	Phân hiệu Gia Lai	
523	Phạm Thị Minh Lợi	Phân hiệu Gia Lai	
524	Đinh Mạnh Tiến	Phân hiệu Gia Lai	
525	Nguyễn Xuân Vân	Phân hiệu Gia Lai	
526	Trần Thị Thu Hiền	Phân hiệu Gia Lai	
527	Tưởng Thị Ánh Ngọc	Phân hiệu Gia Lai	
528	Nguyễn Thị Hoàng Điệp	Phân hiệu Gia Lai	
529	Nguyễn Thị Kim Tiên	Phân hiệu Gia Lai	

Danh sách gồm 529 người



GS.TS. Nguyễn Hay

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ, BỘ MÔN, TỔ - BAN CÔNG TÁC ĐƯỢC CÔNG NHẬN
DANH HIỆU LAO ĐỘNG TIỀN TIẾN NĂM HỌC 2016-2017**

STT	TẬP THỂ	GHI CHÚ
1	KHOA NÔNG HỌC	Đơn vị, 07 Bộ môn
	Bộ môn Bảo vệ Thực vật	
	Bộ môn Cây công nghiệp	
	Bộ môn Cây lương thực - Rau Hoa Quả	
	Bộ môn Di truyền - Giống	
	Bộ môn Nông hóa - Thổ nhưỡng	
	Bộ môn Sinh lý - Sinh hóa	
	Bộ môn Thủy nông	
2	KHOA CHĂN NUÔI THÚ Y	Đơn vị, 05 Bộ môn
	Bộ môn Khoa học Sinh học Thú y	
	Bộ môn Giống động vật	
	Bộ môn Thú y lâm sàng	
	Bộ môn Chăn nuôi Chuyên khoa	
	Bộ môn Bệnh truyền nhiễm	
3	KHOA LÂM NGHIỆP	03 Bộ môn
	Bộ môn Chế biến Lâm sản	
	BM Quản lý Tài nguyên rừng	
	BM Nông lâm Kết hợp	
4	KHOA KINH TẾ	Đơn vị, 05 Bộ môn, tổ công tác
	Bộ môn Kinh Tế Tài nguyên Môi trường	
	Bộ môn Kinh Tế Nông lâm	
	Bộ Môn Kinh Tế học	
	Bộ môn Phát triển Nông thôn	
	Tổ văn phòng	
5	KHOA CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ	Đơn vị, 07 Bộ môn
	Bộ môn Cơ Điện tử	
	Bộ môn Công thôn	
	Bộ môn Kỹ thuật Cơ sở	
	Bộ môn Sau thu hoạch và chế biến	
	Bộ môn Công nghệ Ôtô	
	Bộ môn Điều khiển Tự động	
	Bộ môn Công nghệ Nhiệt lạnh	
6	KHOA THỦY SẢN	Đơn vị, 05 Bộ môn
	Bộ môn Quản lý và Phát triển nghề cá	
	Bộ môn Bệnh học Thủy sản	
	Bộ môn Sinh học và Quản lý Nguồn lợi Thủy sản	
	Bộ môn Chế biến Thủy sản	
	Bộ môn Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản	

STT	TẬP THỂ	GHI CHÚ
7	KHOA CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	Đơn vị, 05 Bộ môn
	Bộ môn Kỹ thuật Thực phẩm	
	Bộ môn Phát triển Sản phẩm	
	Bộ môn Hóa Sinh	
	Bộ môn Vi Sinh	
	Bộ môn Công nghệ Sau thu hoạch	
8	KHOA KHOA HỌC	Đơn vị, 02 Bộ môn
	Bộ môn Sinh	
	Bộ môn Hóa	
9	KHOA NGOẠI NGỮ - SƯ PHẠM	02 Bộ môn
	Bộ môn Sư phạm Kỹ thuật Nông nghiệp	
	Bộ môn Sư phạm Tiếng Anh	
10	KHOA MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN	Đơn vị, 04 Bộ môn
	Bộ môn Quản lý Môi trường	
	Bộ môn Tài nguyên & Hệ thống Thông tin địa lý	
	Bộ môn Cảnh quan và Kỹ thuật hoa viên	
	Bộ môn Khoa học Môi trường	
11	KHOA QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI & BẤT ĐỘNG SẢN	Đơn vị, 03 Bộ môn
	Bộ môn Công nghệ địa chính	
	Bộ môn Kinh tế đất - Bất động sản	
	Bộ môn Quy hoạch	
12	BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Đơn vị
13	BỘ MÔN CÔNG NGHỆ SINH HỌC	Đơn vị
14	BỘ MÔN CÔNG NGHỆ HÓA HỌC	Đơn vị
15	Viện NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ SINH HỌC & MÔI TRƯỜNG	Đơn vị, 04 Bộ môn
	Bộ môn Công nghệ Sinh học Thực vật	
	Bộ môn Công nghệ Sinh học Động vật	
	Bộ môn Công nghệ Sinh học Môi trường	
	Bộ môn Hóa Sinh- Hóa Dược và Thực phẩm	
16	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ ĐỊA CHÍNH	Đơn vị
17	TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG	Đơn vị
18	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CHẾ BIẾN LÂM SẢN GIẤY VÀ BỘT GIẤY	Đơn vị
19	TRUNG TÂM NĂNG LƯỢNG VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP	Đơn vị
20	TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ NHIỆT LẠNH	Đơn vị
21	PHÒNG ĐÀO TẠO	Đơn vị, 03 Tổ công tác
	Tổ Quản lý kết quả học tập	
	Tổ Kế hoạch thống kê	
	Tổ Văn phòng và Liên kết Đào tạo	
22	PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC	Đơn vị
23	PHÒNG QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	Đơn vị
24	PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ	Đơn vị, 01 Tổ công tác
	Tổ Chế độ	

STT	TẬP THỂ	GHI CHÚ
25	PHÒNG HÀNH CHÍNH	Đơn vị, 03 Tổ công tác
	Tổ Văn thư lưu trữ	
	Tổ Công nghệ thông tin	
	Tổ Nhà khách	
26	PHÒNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH	Đơn vị, 02 Tổ công tác
	Tổ Kế hoạch	
	Tổ Kế toán	
27	PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN	Đơn vị
28	PHÒNG QUẢN TRỊ VẬT TƯ	Đơn vị, 05 Tổ, đội
	Tổ Văn Phòng	
	Tổ kỹ thuật nước	
	Tổ Giảng đường	
	Tổ Hoa viên	
	Đội xe	
29	PHÒNG HỢP TÁC QUỐC TẾ	Đơn vị
30	PHÒNG THANH TRA GIÁO DỤC	
31	TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG	Đơn vị
32	TRUNG TÂM HỖ TRỢ SINH VIÊN VÀ QUAN HỆ DOANH NGHIỆP	Đơn vị
33	TT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ	Đơn vị
34	THƯ VIỆN	Đơn vị
35	PH GIA LAI	Đơn vị, 05 Ban công tác
	Ban Quản lý Nghiên cứu Khoa học - Hợp tác Quốc tế	
	Ban Công tác Sinh viên	
	Ban Kế hoạch- Tài chính	
	Ban Tổ chức - Hành chính	
	Ban Quản lý Đào tạo	
36	PHÂN HIỆU NINH THUẬN	Đơn vị

Tổng số theo danh sách: 34 Đơn vị, 71 Bộ môn, tổ - ban công tác

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG

ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

TP. HỒ CHÍ MINH

GS. TS. Nguyễn Hay